



Thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Hồng Hoa¹, Hồ Văn Dũng²

¹Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

²Khoa Tâm lý và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 06/5/2025

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 08/7/2025

Ngày nhận đăng: 10/7/2025

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giáo dục đạo đức;

Học sinh;

Trường tiểu học;

Huyện Hóc Môn.

TÓM TẮT

Hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trong nhà trường phổ thông là một quá trình lâu dài, phức tạp. Và đây là quá trình thực hiện đồng bộ giữa việc nâng cao nhận thức, hình thành thái độ, cảm xúc, niềm tin và thói quen hành vi theo các chuẩn mực đạo đức. Bậc tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân. Vì thế, giáo dục đạo đức cho học sinh ngay từ bậc tiểu học là vô cùng quan trọng. Hiện nay, chương trình giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học chưa được chú trọng. Các nội dung, hình thức tổ chức chưa phong phú, bài bản. Bài báo trình bày thực trạng mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, lực lượng tham gia và các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát thực trạng. Kết quả thực trạng về các nội dung khảo sát đạt mức khá. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục đạo đức ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng cần có sự cải thiện một số vấn đề để nâng cao chất lượng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đạo đức là một trong những phạm trù cơ bản của lý luận giáo dục, là nội dung quan trọng trong rèn luyện, phát triển nhân cách con người. Giáo dục đạo đức (GDĐĐ) là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (Phí & Dương, 2023). GDĐĐ được coi là một trong những hoạt động giáo dục cơ bản nhất trong tất cả các bậc học, giúp học sinh (HS) phát triển nhân cách một cách đúng đắn, có nhận thức, ý thức tình cảm đạo đức, thói quen, hành vi ứng xử đúng mực trong các mối quan hệ của cá nhân với xã hội, với mọi người xung quanh (Phạm, 2017).

Trong những năm gần đây, khi triển khai thực hiện Chương trình GDPT, Bộ GD&ĐT đã và đang triển khai chương trình GDĐĐ lồng ghép trong chương trình học chính khóa của một số môn học trong các nhà trường phổ thông, trong đó có bậc tiểu học. Song song đó là các chương trình ngoại khóa cũng nhằm GDĐĐ cho HS (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Thực tiễn GDĐĐ trong nhà trường tiểu học, giáo viên (GV) đã tìm hiểu và triển khai vào các tiết dạy học chính khóa của nhiều môn học và đã thu được kết quả khả quan, khẳng định tính khả thi và cấp thiết của hoạt động này. Tuy nhiên, việc tích hợp nội dung GDĐĐ vào các môn học còn tùy trường và tùy cách tích hợp với các chủ đề khác nhau (như giáo dục kỹ năng sống, giáo dục môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn ma túy học đường,...) (Lê, 2022). Vì vậy, có thể nói hoạt động GDĐĐ và quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS tại các trường tiểu học là vấn đề bức thiết. Bài báo phân tích kết quả khảo sát thực trạng hoạt động GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học

Tác giả liên hệ: Hồ Văn Dũng;

Địa chỉ e-mail: dunghv72@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.151.2025>

Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó làm cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Khách thể nghiên cứu*: 316 người, trong đó: 76 CBQL, GV và 240 HS của Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Phương pháp nghiên cứu*: điều tra bằng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn nhằm thu thập thông tin; phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học để tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) theo thang đo Likert 4 mức độ, mỗi mức độ được quy ước với khoảng điểm như sau: Không cần thiết/ Không thực hiện/ Không đáp ứng/ Yếu: $1.00 \leq \text{ĐTB} \leq 1.75$; Ít cần thiết/ Tỉnh thoảng/ Đáp ứng một phần/ Trung bình: $1.75 < \text{ĐTB} \leq 2.50$; Cần thiết/ Thường xuyên/ Khá đáp ứng/ Khá: $2.50 < \text{ĐTB} \leq 3.25$; Rất cần thiết/ Rất thường xuyên/ Đáp ứng hoàn toàn/ Tốt: $3.25 < \text{ĐTB} \leq 4.00$.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng nhận thức về mục tiêu hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và HS về các mục tiêu của hoạt động GDĐĐ cho HS

STT	Nội dung đánh giá	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh	2.88	1.03	2	2.85	0.99	3
2	Giáo dục tình cảm, niềm tin đạo đức cho HS	3.00	0.94	1	2.88	0.95	2
3	Giáo dục hành vi thói quen đạo đức phù hợp chuẩn mực xã hội cho học sinh	2.86	1.02	3	3.09	0.90	1
Trung bình chung		2.91	1.00		2.94	0.95	

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, nhóm CBQL, GV đánh giá về mục tiêu của hoạt động GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn đạt mức 3 – mức cần thiết (ĐTB = 2.91). Trong đó, mục tiêu được đánh giá mức cao nhất là “Giáo dục tình cảm, niềm tin đạo đức cho HS” (ĐTB = 3.00); xếp thứ 2 là “Giáo dục ý thức đạo đức cho HS” (ĐTB = 2.88). Mục tiêu “Giáo dục hành vi thói quen đạo đức phù hợp chuẩn mực xã hội cho HS” được đánh giá ở mức thấp nhất nhưng vẫn đạt mức cần thiết (ĐTB = 2.86). Trong khi đó, nhóm HS đánh giá về các mục tiêu của hoạt động GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng có phần cao hơn, đạt mức 3 – mức cần thiết (ĐTB = 2.94). Mục tiêu được các em đánh giá cao nhất là “Giáo dục hành vi thói quen đạo đức phù hợp chuẩn mực xã hội cho HS” (ĐTB = 3.09) và ngược với ý kiến đánh giá của nhóm CBQL, GV xếp thứ 3; xếp thứ 2 là “Giáo dục tình cảm, niềm tin đạo đức cho HS” (ĐTB = 2.88). Mục tiêu mà HS đánh giá thấp nhất là “Giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh” (ĐTB = 2.85).

Dựa vào kết quả phân tích trên có thể thấy, nhóm CBQL, GV đánh giá mức cần thiết của hoạt động GDĐĐ cho HS thấp hơn nhóm HS, và từng tiêu chí trong mục tiêu khảo sát cũng có sự khác biệt về thứ tự đánh giá giữa 2 nhóm. Thực tế này cho thấy, CBQL của Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng đã quan tâm trong việc thực hiện mục tiêu GDĐĐ cho HS, nhưng không chỉ dừng lại ở nhận thức mà phải biến nhận thức thành hành vi, thói quen. Bởi chúng ta biết rằng, bản chất của quá trình GDĐĐ là quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho đối tượng giáo dục, thực chất của quá trình này chính là quá trình chuyên hóa yêu cầu về việc thực hiện các chuẩn mực xã hội thành nhu cầu thể hiện hành vi, thói quen phù hợp với các chuẩn mực xã hội đó. Vậy nên, nhà giáo dục hướng các em đi đúng hướng là việc làm giúp các em bớt đi sai lầm, đồng thời tăng tính giáo dục toàn diện hơn.

3.2. Thực trạng nội dung hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn

Nhìn vào kết quả bảng 2 cho thấy, ĐTB dao động từ 2.64 đến 3.34 (đạt từ mức khá đến mức tốt). Kết quả phản ánh mức độ đánh giá khác nhau giữa nhóm CBQL, GV và nhóm HS về các nội dung GDĐĐ, trong đó có những điểm tương đồng và khác biệt đáng chú ý.

Ở nhóm CBQL và GV, nội dung được đánh giá cao nhất là “Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc; không tìm cách đổ lỗi cho người khác; có ý thức khắc phục hậu quả do mình gây ra” và “Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng” (ĐTB = 3.34). Điều này cho thấy CBQL, GV đánh giá cao vai trò của các hoạt động xã hội trong GDĐĐ, coi đây là phương pháp hiệu quả để rèn luyện tinh thần nhân ái cho HS. Đồng thời phản ánh tầm quan trọng của trách nhiệm cá nhân trong quá trình GDĐĐ. Xếp cuối là “Tham gia tích cực các công việc của tập thể, cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy

của tập thể, cộng đồng; có ý thức chấp hành pháp luật” (ĐTB = 2.64), cho thấy CBQL, GV chưa đánh giá cao mức độ tham gia tích cực của HS vào các hoạt động tập thể và tuân thủ nội quy.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và HS về hiệu quả thực hiện các nội dung hoạt động GDĐĐ cho HS

STT	Nội dung đánh giá	CBQL và GV			Học sinh		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
A	Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện ý thức chính trị, tư tưởng, lòng yêu nước						
1	Giáo dục lòng tình yêu quê hương, đất nước và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc	3.25	0.95	3	2.97	0.87	4
2	Có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào Đảng và Nhà nước	3.29	0.86	1	3.08	0.83	1
3	Tích cực tham gia các hoạt động xã hội góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3.26	0.91	2	3.00	0.87	3
4	Có thái độ tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc	3.16	0.95	4	3.05	0.91	2
B	Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện lòng nhân ái						
1	Giáo dục lòng nhân ái, sự cảm thông và chia sẻ với mọi người trong gia đình, nhà trường, cộng đồng, xã hội	3.17	0.93	2	3.03	0.93	4
2	Trân trọng sức khỏe, danh dự và cuộc sống riêng tư của người khác	3.17	0.97	3	3.16	0.84	1
3	Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng	3.34	0.83	1	3.10	0.93	2
4	Tích cực, chủ động tham gia ngăn chặn hành vi bạo lực; sẵn sàng hỗ trợ, bênh vực người yếu, người khuyết tật	2.96	1.11	4	3.09	0.93	3
C	Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện trách nhiệm lao động						
1	Giáo dục ý thức trách nhiệm trong học tập, cách sắp xếp và sử dụng thời gian hiệu quả	3.12	1.01	3	3.04	0.90	3
2	Chăm chỉ tham gia lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện bản thân	3.24	0.80	1	3.25	0.81	1
3	Luôn cố gắng học tốt các môn học, các nội dung hướng nghiệp	3.17	0.90	2	3.16	0.84	2
D	Nhóm chuẩn mực đạo đức hướng vào sự tự hoàn thiện bản thân						
1	Luôn nhất quán giữa lời nói với việc làm	3.20	1.13	3	3.08	0.90	6
2	Tôn trọng lễ phép; bảo vệ điều hay, lễ phép trước người thân, bạn bè, thầy cô,...	3.21	1.00	2	3.20	0.81	2
3	Không xâm phạm của công, phê phán các hành vi thiếu trung thực trong học tập và cuộc sống	3.03	1.11	4	3.14	0.87	4
4	Có ý thức về nhiệm vụ học tập; luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập	3.26	0.64	1	3.13	0.89	5
5	Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày	2.93	1.00	5	3.23	0.86	1
6	Giáo dục lối sống văn hóa, trung thực, hòa đồng, tình bạn trong sáng, lành mạnh	2.93	1.16	6	3.20	0.82	3
E	Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện trách nhiệm trong quan hệ với công việc						
1	Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe	3.22	0.72	2	3.19	0.86	5
2	Có ý thức tiết kiệm thời gian, xây dựng và thực hiện chế độ học tập, sinh hoạt hợp lý	2.84	1.05	4	3.24	0.78	3
3	Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc; không tìm cách đổ lỗi cho người khác; có ý thức khắc phục hậu quả do mình gây ra	3.34	0.60	1	3.10	0.90	6
4	Quan tâm và tham gia các công việc của gia đình; có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình	2.82	1.07	5	3.22	0.81	4
5	Tham gia tích cực các công việc của tập thể, cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy của tập thể, cộng đồng; có ý thức chấp hành pháp luật	2.64	1.16	6	3.30	0.77	1
6	Sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên; có ý thức bảo vệ, tôn tạo thiên nhiên, môi trường sống	3.20	0.82	3	3.26	0.75	2

Ở nhóm HS, nội dung được đánh giá cao nhất là “Tham gia tích cực các công việc của tập thể, cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy của tập thể, cộng đồng; có ý thức chấp hành pháp luật” (ĐTB = 3.30). Đây là sự khác biệt rõ rệt so với đánh giá của CBQL, GV, cho thấy HS tự nhận thức cao về sự tuân thủ nội quy và tham gia vào các hoạt động chung. Xếp thứ hai là “Sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên; có ý thức bảo vệ, tôn tạo thiên nhiên, môi trường sống” (ĐTB = 3.26), thể hiện rằng HS quan tâm đến các giá trị đạo đức liên quan đến môi trường. Xếp cuối cùng là “Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc; không tìm cách đổ lỗi cho người khác” (ĐTB = 3.10), cho thấy trách nhiệm cá nhân chưa phải là ưu tiên hàng đầu trong nhận thức của các em.

Nhìn chung, sự khác biệt giữa nhóm CBQL, GV và nhóm HS cho thấy có khoảng cách trong nhận thức về các nội dung GDĐĐ. CBQL, GV nhấn mạnh vào trách nhiệm cá nhân và tinh thần nhân ái, trong khi HS lại coi trọng kỷ luật, nội quy và bảo vệ môi trường hơn. Điều này đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh nội dung GDĐĐ sao cho vừa đáp ứng được yêu cầu của GV, vừa phù hợp với nhận thức của HS, giúp nâng cao hiệu quả GDĐĐ trong nhà trường.

3.3. Thực trạng hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và HS về hiệu quả thực hiện hình thức tổ chức hoạt động GDĐĐ cho HS

STT	Nội dung đánh giá	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Thông qua dạy học môn Đạo đức và các môn học khác	3.32	0.68	1	2.93	1.02	10
2	Thông qua các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại	3.21	0.72	2	3.04	0.98	4
3	Thông qua các tiết Hoạt động trải nghiệm dưới cờ và các tiết Sinh hoạt lớp cuối tuần	2.84	1.06	6	3.00	0.94	8
4	Thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục trực tiếp hoặc qua các phương tiện truyền thông, mạng Internet	2.99	0.92	4	3.15	0.82	1
5	Thông qua việc tổ chức chuyên đề, trao đổi, thảo luận về giáo dục đạo đức cho học sinh	2.67	1.15	7	2.98	0.97	9
6	Thông qua các hoạt động phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	2.86	1.07	5	3.02	0.91	7
7	Thông qua các vở kịch, tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc, tranh ảnh mang nội dung giáo dục đạo đức	3.00	0.85	3	2.90	1.01	11
8	Thông qua các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội	2.39	1.21	11	3.05	0.94	3
9	Thông qua sự gương mẫu của thầy cô, cha mẹ, bạn bè, những người xung quanh	2.58	1.11	9	3.02	0.96	6
10	Thông qua các câu chuyện thời sự, mô phỏng các tình huống để học sinh bày tỏ chính kiến, tìm cách giải quyết, học tập	2.43	1.12	10	3.03	0.95	5
11	Thông qua các hoạt động xã hội, từ thiện	2.59	1.10	8	3.12	0.84	2
ĐTB chung		2.81	1.00		3.02	0.94	

Số liệu khảo sát ở bảng 3 cho thấy: Đánh giá chung của CBQL, GV và HS về các hình thức tổ chức hoạt động GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn đều đạt hiệu quả thực hiện ở mức khá - mức 3, nhưng cả hai nhóm đều có chỉ số ĐLC cao, cho thấy có sự phân tán của các giá trị thống kê khá lớn ở 2 nhóm này.

Hình thức “Thông qua dạy học môn Đạo đức và các môn học khác” nhóm CBQL, GV đánh giá thực hiện đạt hiệu quả cao nhất, nhưng ngược lại nhóm HS đánh giá hình thức này gần thấp nhất, xếp thứ 10. Hình thức “Thông qua các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại” có phần tương đồng trong đánh giá, nhóm CBQL, GV đánh giá cao thứ 2, và nhóm HS thì đánh giá hình thức này thực hiện đạt hiệu quả cao thứ 4. Hình thức “Thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục trực tiếp hoặc qua các phương tiện truyền thông, mạng Internet” nhóm HS đánh giá đạt hiệu quả cao nhất, và nhóm CBQL, GV đánh giá thấp hơn, xếp thứ 4. Như vậy, chúng ta thấy rằng các hình thức này đã được Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng sử dụng rất hiệu quả không chỉ trong việc GDĐĐ cho HS mà còn giúp HS rèn luyện các phẩm chất đạo đức, tạo ra môi trường học tập thiết thực để phát triển năng lực.

Các hình thức như: “Thông qua các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội”; “Thông qua các câu chuyện thời sự, mô phỏng các tình huống để HS bày tỏ chính kiến, tìm cách giải quyết, học tập”; “Thông qua sự gương mẫu của thầy cô, cha mẹ, bạn bè, những người xung quanh” CBQL, GV đánh giá thấp (xếp thứ 11, 10, 9), nhưng nhóm HS lại đánh giá hiệu quả thực hiện cao hơn nhiều (xếp thứ 3, 5, 6).

Nhìn chung có sự khác biệt khá lớn trong đánh giá của hai nhóm CBQL, GV và HS về các hình thức tổ chức: thông qua hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thông qua các vở kịch, tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc, tranh ảnh mang nội dung GDĐĐ; thông qua các hoạt động phong trào của Đội TNTP Hồ Chí Minh; thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục trực tiếp hoặc qua các phương tiện truyền thông, mạng Internet. Từ đây cho thấy có thể có vấn đề trong việc thực hiện và truyền tải thông điệp trong các hình thức này. Bên cạnh đó cũng có nhiều hình thức giáo dục được đánh giá cao và có sự đồng thuận giữa hai nhóm trong bảng 3 trên cho thấy một môi trường giáo dục khá đồng bộ, mặc dù vẫn có những điểm cần cải thiện. Việc GDĐĐ cho HS cần được xem xét và điều chỉnh nhằm tăng cường tính hiệu quả, đặc biệt là trong các hình thức dạy học chính thức.

Tóm lại, từ những thực trạng trên có thể thấy rằng, việc GDĐĐ cho HS cần đa dạng và phong phú hơn, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa sự gương mẫu của người lớn và các hoạt động trải nghiệm. Đặc biệt, cần chú trọng hơn nữa đến việc tăng cường mối liên kết giữa nhà trường và gia đình để tạo ra một môi trường GDĐĐ toàn diện và hiệu quả hơn cho HS. Thông qua các tiết Hoạt động trải nghiệm dưới cờ và Sinh hoạt lớp cuối tuần; thông qua các hoạt động xã hội, từ thiện là rất hiệu quả, trong khi cần cải thiện hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại và hoạt động phong trào của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Việc khai thác các hình thức giáo dục này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả GDĐĐ trong nhà trường.

3.4. Thực trạng phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và HS về hiệu quả thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động GDĐĐ cho HS

STT	Nội dung đánh giá	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Các phương pháp hình thành ý thức đạo đức (đàm thoại, giảng giải, kể chuyện, thảo luận, tự nghiên cứu tài liệu...)	3.04	0.87	2	3.22	0.84	2
2	Các phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành thói quen hành vi đạo đức (đòi hỏi sự phạm, tạo tình huống giáo dục, giao việc, tập luyện, tập thói quen, rèn luyện)	3.21	0.84	1	3.26	0.76	1
3	Các phương pháp hình thành thái độ, kích thích và điều chỉnh hành vi đạo đức (thi đua, nêu gương, khen thưởng, trách phạt)	2.86	1.02	4	3.05	0.97	3
4	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức (bằng lời nói, trải nghiệm tự luận, thông qua hành vi thói quen, thông qua phản ánh, đánh giá của các lực lượng giáo dục, thông qua tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau,...)	2.88	1.07	3	3.03	0.99	4
Trung bình chung		3.00	0.95		3.14	0.89	

Từ bảng 4 cho thấy, đánh giá của nhóm CBQL, GV về hiệu quả thực hiện các nhóm phương pháp GDĐĐ cho HS đạt mức khá – mức 3. Tuy nhiên, mức độ đánh giá đối với từng nhóm phương pháp GDĐĐ được khảo sát có sự khác nhau cụ thể như sau: Nhóm phương pháp GDĐĐ cho HS được các khách thể nhận định ở mức độ hiệu quả cao nhất là: “tổ chức hoạt động và hình thành thói quen hành vi đạo đức” xếp thứ bậc 1; xếp thứ 2 là nhóm phương pháp “hình thành ý thức đạo đức”; Nhóm phương pháp “kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức”, xếp thứ bậc 3. Nhóm phương pháp GDĐĐ được đánh giá đạt mức hiệu quả thấp nhất trong 4 nhóm phương pháp được khảo sát là “hình thành thái độ, kích thích và điều chỉnh hành vi đạo đức”. Có thể thấy rằng việc sử dụng các phương pháp chưa hiệu quả như thi đua, khen thưởng hay trách phạt chưa được thực hiện thường xuyên hoặc khen, tuyên dương không đúng lúc, đúng chỗ; trách phạt còn e dè, dè dặt. Điều này có thể dẫn đến việc thiếu động lực hoặc không hiệu quả trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức của HS.

Đối với nhóm HS, các em đánh giá về hiệu quả thực hiện các nhóm phương pháp GDĐĐ cho HS cũng đạt mức khá – mức 3. Trong đó, các em đánh giá nhóm phương pháp GDĐĐ cho HS được thực hiện đạt hiệu quả nhất cũng là “tổ chức hoạt động và hình thành thói quen hành vi đạo đức”; Nhóm phương pháp xếp thứ 2 là “hình thành ý thức đạo đức”, và nhóm phương pháp này cũng được nhóm CBQL, GV đánh giá hiệu quả

xếp thứ 2. Sự nhất quán trong đánh giá về hiệu quả thực hiện giữa CBQL, GV và HS cho thấy một môi trường giáo dục đồng bộ, nhưng cũng cần lưu ý đến các phương pháp ít được chú trọng và hiệu quả thấp để có những biện pháp cải tiến phù hợp. Nhóm phương pháp GDDĐ cho HS được các em đánh giá hiệu quả thấp nhất đó là “kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức”. Như vậy, những đánh giá của nhóm HS về hiệu quả thực hiện các phương pháp GDDĐ cho HS cũng có sự tương đồng và khác biệt với nhóm CBQL, GV.

Tựu trung, việc sử dụng các nhóm phương pháp GDDĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng chưa thực sự tốt, còn nhiều khuyết điểm mà nhà trường cần nhìn nhận lại và có biện pháp để thay đổi như tổ chức thực hiện đổi mới phương pháp GDDĐ cho HS phù hợp với yêu cầu hiện nay theo chương trình GDPT 2018 của nhà trường.

3.5. *Thực trạng các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn*

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và HS về sự tham gia của các lực lượng trong hoạt động GDDĐ cho HS

STT	Nội dung đánh giá	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Cán bộ quản lý	2.83	0.97	3	3.00	0.94	2
2	Giáo viên chủ nhiệm	3.12	0.78	1	3.03	0.95	1
3	Giáo viên bộ môn	2.78	1.04	4	2.91	1.00	5
4	Học sinh và tập thể học sinh	2.72	1.09	5	2.88	1.01	6
5	Tổng phụ trách Đội	2.99	0.97	2	2.99	0.98	3
6	Cha mẹ học sinh (CMHS)	2.70	1.13	6	2.86	1.04	7
7	Chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương	2.58	1.15	7	2.96	0.98	4
Trung bình chung		2.82	1.02		2.95	0.99	

Kết quả số liệu ở bảng 5 cho ta thấy, cả hai nhóm CBQL, GV và HS đều đánh giá sự tham gia của các lực lượng vào hoạt động GDDĐ cho HS ở mức thường xuyên - mức 3 (ĐTB chung: 2.82 và 2.95). Nhóm CBQL, GV đánh giá lực lượng “Giáo viên chủ nhiệm” tham gia thường xuyên nhất (ĐTB = 3.12); “Tổng phụ trách Đội” xếp thứ 2 (ĐTB = 2.99) trong hoạt động GDDĐ cho HS; “Cán bộ quản lý” xếp thứ 3 (ĐTB = 2.83); “Giáo viên bộ môn” xếp thứ 4 (ĐTB = 2.78); “Học sinh và tập thể học sinh” xếp thứ 5 (ĐTB = 2.72);... Lực lượng được đánh giá ít tham gia nhất là “Chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương” (ĐTB = 2.58). Đối với nhóm HS, các em cũng đánh giá lực lượng “Giáo viên chủ nhiệm” tham gia thường xuyên nhất trong hoạt động GDDĐ cho HS; “Cán bộ quản lý” xếp thứ 2; “Tổng phụ trách Đội” xếp thứ 3. Hai lực lượng được đánh giá ít tham gia là “HS và tập thể HS” xếp thứ 6 và “Cha mẹ học sinh” xếp thứ 7.

Từ các số liệu trên cho thấy, nhóm CBQL, GV đều đánh giá cao vai trò của GVCN và CBQL trong GDDĐ, cho thấy sự thống nhất trong nhận thức về giá trị giáo dục của đội ngũ này. CBQL và GVCN là lực lượng được đào tạo sâu về chuyên môn, nghiệp vụ và giữ vai trò chủ đạo trong quá trình GDDĐ cho HS ở nhà trường tiểu học. Kết quả đánh giá này là hoàn toàn hợp lý, bởi lẽ, đối với HS tiểu học, đội ngũ GVCN là những người luôn dành nhiều thời gian, tâm sức cho công tác giáo dục HS. Hơn nữa, họ lại là những người được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm trong công tác giáo dục, dễ dàng tìm hiểu thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của HS, trên cơ sở đó có những biện pháp đúng đắn, phù hợp, kịp thời để giúp HS ngày càng tiến bộ hơn, phát huy những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm của bản thân. Đồng thời HS có thể cảm nhận sự gần gũi và ảnh hưởng trực tiếp của GVCN đến hành vi và đạo đức của họ. Bên cạnh đó, lực lượng CBQL cũng có mức độ đánh giá cao cho thấy sự tự tin vào vai trò của mình trong hoạt động GDDĐ cho HS.

Bên cạnh đó, lực lượng Tổng phụ trách Đội cũng được HS đánh giá cao. Tổng phụ trách Đội, với nhiệm vụ chính là thực hiện công tác quản lý nề nếp, đạo đức HS và triển khai các hoạt động Đội thì đây là lực lượng nòng cốt trong hoạt động GDDĐ cho HS tác động trực tiếp đến việc hình thành và phát triển đạo đức của HS nhà trường. Tổng phụ trách Đội cũng là người tổ chức thực hiện các hoạt động GDDĐ cho HS như các buổi sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt chuyên đề.

Thế nhưng, lực lượng CMHS và lực lượng các tổ chức xã hội được CBQL, GV và HS đánh giá ít tham gia hơn so với các lực lượng còn lại. Điều này cho thấy chưa có tham gia đồng đều cũng như chưa có sự chia sẻ của các lực lượng bên ngoài nhà trường. Từ thực tế cho thấy các lực lượng giáo dục này còn ít quan tâm đến quá trình rèn luyện và học tập của HS trong các nhà trường, hoặc nếu có quan tâm nhưng còn thiếu cơ

chế độ khẳng định vị trí, vai trò của họ. Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương quản lý nhà trường trên địa bàn chưa được đánh giá cao trong việc phối hợp tham gia vào quá trình giáo dục, rèn luyện đạo đức cho HS.

Từ những thực trạng trên có thể thấy rằng: Mặc dù đã có rất nhiều lực lượng tham gia vào quá trình GDĐĐ cho HS nhưng lực lượng giáo dục trong nhà trường là thể hiện tốt vai trò của mình, các lực lượng khác ở bên ngoài nhà trường lại chưa thể hiện tốt được ưu thế của mình trong công tác giáo dục HS. Bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận CBQL, GV chưa đánh giá chính xác về vai trò của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường đối với công tác giáo dục. Thực trạng này là một khó khăn cho công tác phối hợp các lực lượng giáo dục trong GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

3.6. Thực trạng các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ đáp ứng các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDĐĐ cho HS

STT	Nội dung đánh giá	CBQL và GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Cơ sở vật chất của nhà trường (phòng học, nhà văn hóa, phòng truyền thống, phòng câu lạc bộ, vườn trường, thư viện...)	2.72	1.10	3	2.89	1.01	1
2	Các phương tiện dạy học và giáo dục (máy chiếu, máy tính, tivi, thiết bị âm thanh, mạng internet...)	2.63	1.11	5	2.81	1.05	6
3	Thời gian dành cho việc tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức	2.64	1.17	4	2.85	1.04	4
4	Kinh phí dành cho việc tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức	3.08	0.81	1	2.85	1.02	3
5	Các văn bản hướng dẫn, tài liệu dạy học, giáo dục đạo đức	2.72	1.05	2	2.88	1.00	2
6	Sự nỗ lực, đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường	2.59	1.10	6	2.85	1.04	5
Trung bình chung		2.73	1.06		2.86	1.03	

Kết quả số liệu bảng 6 cho thấy, cả nhóm CBQL, GV và nhóm HS đều đánh giá mức độ đáp ứng của các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn đạt mức khá đáp ứng - mức 3 (ĐTB: 2.73 và 2.86). Nhóm CBQL, GV đánh giá cao nhất là tiêu chí “Kinh phí dành cho việc tổ chức hoạt động GDĐĐ” (ĐTB = 3.08), trong khi đó nhóm HS lại đánh giá cao tiêu chí “Cơ sở vật chất của nhà trường” (2.89). Tiêu chí “Các văn bản hướng dẫn, tài liệu dạy học, GDĐĐ” thì cả 2 nhóm đều đánh giá xếp thứ 2 (ĐTB: 2.72 và 2.88). Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy đánh giá của các khách thể về các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động GDĐĐ là khá bảo đảm. Hai tiêu chí “Sự nỗ lực, đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường” và “Các phương tiện dạy học và giáo dục” cả hai nhóm đối tượng đều đánh giá ở mức đáp ứng thấp hơn, xếp thứ bậc 5 và 6. Các điều kiện khác như việc cập nhật, quán triệt các văn bản của Nhà nước, của ngành trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay chắc chắn được thực hiện thuận lợi; kinh phí cho các hoạt động. Vì vậy, khi các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động dạy học và giáo dục nói chung được đảm bảo thì cũng là điều kiện thuận lợi để nhà trường tổ chức các hoạt động phối hợp với gia đình, xã hội trong GDĐĐ cho HS.

Khi trao đổi về vấn đề này với cô giáo N.T.N, Cô cho biết: Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng được xây dựng theo đúng quy chuẩn để đảm bảo cho HS được học tập, rèn luyện và vui chơi trong một môi trường học tập thân thiện, sáng - xanh - sạch - an toàn. Tổng thể nhà trường được thiết kế hài hòa, kết hợp với sân chơi ngoài trời cùng hệ thống cây xanh sắp xếp hợp lý, tạo sự hứng khởi cho HS khi học tập tại trường. Tận dụng tối đa các điều kiện tự nhiên, đảm bảo không gian học tập tiện nghi. CBQL, GV luôn quan tâm đầu tư khá đầy đủ, đồng bộ và chất lượng về các điều kiện, phương tiện phục vụ cho hoạt động dạy học và GDĐĐ cho HS.

Nhìn chung, các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDĐĐ cho HS hiện tại đã được cải thiện đáng kể. Việc nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường kinh phí và thời gian cho các hoạt động GDĐĐ, cùng với sự hỗ trợ khá tốt giữa các lực lượng giáo dục. Sự đồng thuận giữa CBQL, GV và HS cung cấp một cơ sở vững chắc tạo ra một môi trường giáo dục khá tích cực và hiệu quả cho nhà trường.

4. KẾT LUẬN

Như đã trình bày ở trên, hoạt động GDĐĐ là nội dung quan trọng của nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm chú trọng thực hiện nội dung giáo dục này. Các hình thức và phương pháp GDĐĐ được thực hiện khá đa dạng. Nhà trường đã huy động được các lực lượng giáo dục tham gia vào quá trình giáo dục này. Tuy nhiên, hoạt động GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân

Thới Thượng vẫn còn nhiều hạn chế: một số nội dung GDĐĐ cho HS chưa được chú trọng thực hiện; việc áp dụng các phương pháp GDĐĐ cho HS chưa linh hoạt; một số hình thức GDĐĐ quan trọng vẫn chưa được chú trọng trong nhà trường do hạn chế về mặt thời gian; chưa thấy được vai trò của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường đối với công tác GDĐĐ; một số điều kiện hỗ trợ cho hoạt động GDĐĐ như sự nỗ lực, đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường chưa được quan tâm đúng mức. Tựu trung, kết quả hoạt động GDĐĐ cho HS ở Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng cần có sự cải thiện để nâng cao chất lượng. Từ kết quả thực tế trên, để nâng cao chất lượng hoạt động GDĐĐ cho HS, cần lưu ý một số vấn đề như: Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp GDĐĐ cho HS; Tăng cường các điều kiện hỗ trợ phục vụ hoạt động GDĐĐ cho HS; Thống nhất giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác GDĐĐ cho HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT về ban hành Điều lệ trường tiểu học*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Hà, T. N., & Đặng, V. H. (1998). *Giáo dục học*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Hồ, V. D., & Lưu, T. K. S. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức ở các trường tiểu học huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 24(5), 177–183.
- Lê, T. L. (2022). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học công lập Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 22(5), 112–117.
- Nguyễn, H. H. (2020). *Giáo trình đạo đức và phương pháp dạy học môn Đạo đức tiểu học*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, H. H., & Lưu, T. T. (2007). *Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức: Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Phạm, T. V. (2017). Một số biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông trong nhà trường hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 17(7), 141–144.
- Phí, Đ. K., & Dương, V. D. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Giáo dục*, 23(4), 218–222.
- Trần, H. K., & Đoàn, Đ. H. (2004). *Hệ thống phạm trù đạo đức cho sinh viên*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
-

Current status of moral education activities for students at Xuan Thoi Thuong Primary School, Hoc Mon district, Ho Chi Minh City

Nguyen Thi Hong Hoa¹, Ho Van Dung²

¹Xuan Thoi Thuong Primary School, Hoc Mon District, Ho Chi Minh City

²Department of Psychology and Education, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 06 May 2025

Received in revised form: 08 July 2025

Accepted: 10 July 2025

Published: 20 December 2025

Keywords:

Moral education;

Students;

Primary school;

Hoc Mon district.

Corresponding author:

Ho Van Dung

E-mail address:

dunghv72@gmail.com

ABSTRACT

Moral education for students in general schools is a long-term and complicated process. And this is a synchronous process of raising awareness, forming attitudes, emotions, beliefs and behavioral habits according to ethical standards. Primary education is the foundation of the national education system. Therefore, moral education for students right from primary school is extremely important. Currently, the moral education program for primary school students has not been focused on. The content and organization are not rich and systematic. The article presents the current status of objectives, contents, forms, methods, participating forces and supporting conditions for moral education activities for students at Xuan Thoi Thuong Primary School, Hoc Mon District, Ho Chi Minh City. The study used a questionnaire survey method to survey the current situation. The results of the current situation on the survey contents reached a fair level. However, moral education activities at Xuan Thoi Thuong Primary School need to improve some issues to improve the quality.